TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 07/01/2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Ý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hùng.

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Anh là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H *tham gia phiên toà:* Ông Phan Văn Dựa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2024/TLST – DS, ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Bích D, sinh năm 1996;
Địa chỉ: ấp Doanh Điền, xã Điền Hải, huyện Đông H, tỉnh B
Bị đơn: Anh Trần Vĩnh P, sinh năm 1988;
Địa chỉ: ấp Trường Điền, xã Long Điền Đông, huyện Đông H, tỉnh B.
(Chị D, anh P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2024 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, chị Trần Bích D trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2015 anh chị tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định.

Nguyên nhân ly hôn do mâu thuẫn với bên nhà chồng, bên chồng có lời lẻ không hay với chị, nhưng anh P không bênh vực, bảo vệ chị. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh P nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần P Vỹ, sinh ngày 02/12/2015 và Trần Gia Vỹ, sinh ngày 21/4/2019, hiện đang sống với chị D. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi

hết 02 con chung và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Anh Trần Vĩnh P trình bày: Về hôn nhân anh thống nhất với lời trình bày của chị D về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Tuy nhiên, anh xác định giữa anh và chị D không có mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D, anh đồng ý giao 02 con chung Trần P Vỹ, sinh ngày 02/12/2015 và Trần Gia Vỹ, sinh ngày 21/4/2019 cho chị D nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Bích D được ly hôn với anh Trần Vĩnh P.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần P Vỹ, sinh ngày 02/12/2015 và Trần Gia Vỹ, sinh ngày 21/4/2019 cho chị Trần Bích D trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị D đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Anh Trần Vĩnh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Bích D phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Bích D khởi kiện yêu cầu ly hôn với Trần Vĩnh P, có địa chỉ cư trú tại ấp Trường Điền, xã Long Điền Đông, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ

vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Trong quá trình chung sống, chị D xác định do mâu thuẫn với nhà chồng, không thể tiếp tục chung sống với anh P và yêu cầu ly hôn. Mặc dù, anh P không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong thời gian sống ly thân, anh P không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Xét thấy, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp.

Về con chung: Trong thời gian chị D và anh P sống ly thân thì con chung do chị D nuôi dưỡng. Đồng thời tại biên bản ghi ý kiến ngày 18/12/2024 em Trần P Vỹ có nguyện vọng được sống với chị D và tại phiên tòa anh P cũng đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của các bên đương sự.

Anh Trần Vĩnh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Bích D phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị D đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010816 ngày 29/11/2024 được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Bích D được ly hôn với anh Trần Vĩnh P.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần P Vỹ, sinh ngày 02/12/2015 và Trần Gia Vỹ, sinh ngày 21/4/2019 cho chị Trần Bích D trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị D đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Anh Trần Vĩnh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Bích D phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị D đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010816 ngày 29/11/2024 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Như Ý